

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2026/DS-ST

Ngày: 13 - 9 - 2026

V/v: “Tranh chấp Đòi lại tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Loan

Bà Phan Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Tiến Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Quỳnh Chi - Kiểm sát viên

Trong ngày 13 tháng 9 năm 2026, tại Hội trường xét xử án Dân sự Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 198/2026/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2026 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 361/2026/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 270/2026/QĐST-DS ngày 26/8/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hoàng Việt Á, sinh năm 1951, CCCD: 044051001785; địa chỉ: số nhà A, ngõ A đường N, tổ dân phố F H, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Ông Á vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Mạnh H, sinh năm 1990, CCCD: 044090001770; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

- *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1981, CCCD: 040181015185 địa chỉ: số nhà A, ngõ A đường N, tổ dân phố F H, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Phần trình bày của nguyên đơn ông Hoàng Việt Á:**

Do hoàn cảnh tuổi cao sức yếu, ông Á có nhờ anh Trần Mạnh H đi làm các thủ tục liên quan đến đất đai. Anh H đã nhận của ông Á 200.000.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) để tiến hành làm các thủ tục liên quan đến đất. Sau đó anh H có nhận tiếp số tiền 40.000.000 đồng và 50.000.000 đồng để phục vụ các chi phí và

một số công việc khác liên quan đến việc làm thủ tục đất đai nói trên. Sau khi không làm được thủ tục đất đai như đã cam kết, ông Á đã nhiều lần liên hệ và đề nghị anh H trả lại số tiền nêu trên nhưng anh H không trả. Do đó, ông Á đề nghị Toà án buộc anh H phải trả lại cho ông Á tổng số tiền là 290.000.000 đồng, trong đó số nợ gốc là 200.000.000 đồng, tiền nộp thuế 40.000.000 đồng nhưng anh H đã không nộp và tiền các khoản khác là 50.000.000 đồng. Ngoài ra, ông Á còn yêu cầu buộc anh H phải chịu tiền lãi 60.000.000 đồng tính từ ngày 10/11/2022, lãi suất 6%/năm.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Hoàng Việt Á thừa nhận việc anh H đã chuyển trả cho ông Á tổng số tiền 60.000.000 đồng vào số tài khoản của bà T là vợ của ông Á. Tổng số tiền anh H còn nợ ông Á là 190.000.000 đồng. Ông Á yêu cầu Toà án buộc anh H trả lại số tiền này và tính tiền lãi với lãi suất 6%/năm, thời gian tính lãi kể từ ngày 10/11/2022.

** Tại bản từ khai đề ngày 09/7/2026 bị đơn anh Trần Mạnh H trình bày:*

Qua quen biết ông Hoàng Việt Á và bà Nguyễn Thị T có nhu cầu làm thủ tục giấy tờ liên quan đến đất đai nên anh H có nhận số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu đồng) để đứng ra làm thủ tục chuyển đổi từ đất rừng sản xuất sang đất nông nghiệp khác giúp cho ông Á, bà T. Trong quá trình làm thủ tục do có vướng mắc nên không giải quyết được. Sau đó anh H đã trả lại cho ông Á số tiền 60.000.000 đồng vào số tài khoản 31001010916204 Ngân hàng TMCP H1 mang tên vợ ông Á là bà Nguyễn Thị T (chuyển khoản làm 3 lần, lần 1 với số tiền 30.000.000 đồng vào lúc 17 giờ 31 phút ngày 23/12/2026; lần 2 với số tiền 20.000.000 đồng vào lúc 16 giờ 35 phút ngày 31/12/2026; lần 3 với số tiền 10.000.000 đồng vào lúc 12 giờ 05 phút ngày 08/02/2026). Do đó, hiện tại anh H chỉ còn nợ ông Á số tiền 140.000.000 đồng và 50.000.000 đồng, tổng là 190.000.000 đồng. Anh H không chấp nhận trả số tiền như ông Á yêu cầu.

** Người làm chứng bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Bà là vợ của nguyên đơn ông Hoàng Việt Á. Quá trình giao dịch giữa ông Á và anh H bà biết rõ. Cụ thể là từ đầu năm 2022, anh H hứa sẽ hoàn thành các thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho ông Á, bà T trong thời gian 20 ngày. Bà T đã chứng kiến ông Á đưa cho anh H tổng số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Sau đó anh H có nhận thêm của ông Á 40.000.000 đồng nói là tiền nộp thuế và 50.000.000 đồng là tiền lo lắng các thủ tục. Tuy nhiên, anh H đã không hoàn thành được thủ tục như đã hứa và cũng không trả lại tiền.

* Do bị đơn anh Trần Mạnh H liên tục vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải mặc dù đã được Toà án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được. Toà án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định, tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho các đương sự.

* Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt; người làm chứng có mặt tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Quảng Trị phát biểu quan điểm:

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

- Về việc thụ lý vụ án: Đây là vụ án tranh chấp đòi lại tài sản, bị đơn có địa chỉ tại phường Đ, tỉnh Quảng Trị, vì vậy Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Trị đã thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

- Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật như xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn, bị đơn, tiến hành xác minh sự có mặt của bị đơn, mở phiên họp công khai chứng cứ, tiến hành niêm yết các thông báo và quyết định của Tòa án.

** Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký phiên tòa:* Tại phiên tòa hôm nay, HĐXX và thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật từ thủ tục bắt đầu phiên tòa đến phần xét hỏi, tranh luận theo quy định của Bộ luật TTDS.

** Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của mình như cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ án, tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, viết bản tự khai và tham gia tại phiên tòa. Bị đơn chỉ đến Tòa án viết bản tự khai và vắng mặt tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia tại phiên tòa.

** Về nội dung:* Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 280, 357, 463, 466, 468 BLDS; Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn anh Trần Mạnh H phải thanh toán toàn bộ số tiền gốc 190.000.000 đồng cho ông Hoàng Việt Á. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền.

Về án phí Tòa án: Đề nghị tuyên theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Hoàng Việt Á khởi kiện yêu cầu anh Trần Mạnh H hoàn trả số tiền đã nhận để thực

hiện các thủ tục liên quan đến đất đai nhưng không thực hiện được, đồng thời yêu cầu thanh toán tiền lãi. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là “Tranh chấp đòi lại tài sản”. Bị đơn anh Trần Mạnh H có địa chỉ tại tổ dân phố H, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Trần Mạnh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; nguyên đơn ông Hoàng Việt Á có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai ngày 07/8/2026 ông Hoàng Việt Á yêu cầu anh H trả số tiền gốc 190.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 6%/năm từ ngày 10/11/2022 và yêu cầu tính lãi đối với số tiền gốc 200.000.000 đồng $\times 6\% \times 5 \text{ năm} = 60.000.000$ đồng. Việc ông Á thay đổi yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, nên HĐXX chấp nhận, theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về nội dung giao dịch giữa các bên:

Do tuổi cao, ông Hoàng Việt Á có nhờ anh Trần Mạnh H thực hiện các thủ tục liên quan đến đất đai. Ông đã giao cho anh H số tiền 200.000.000 đồng để thực hiện công việc. Sau đó, anh H nhận thêm 40.000.000 đồng để phục vụ việc nộp thuế và 50.000.000 đồng để thực hiện các công việc, thủ tục khác liên quan đến đất đai. Trong hồ sơ khởi kiện, ông Á đã giao nộp tài liệu chứng cứ đều do anh Trần Mạnh H viết và ký tên là Giấy biên nhận với nội dung anh H nhận của ông Á số tiền 50.000.000 đồng và 01 giấy ghi nội dung: “Ngày 10/11/2022 không chuyển khoản được vào số tài khoản 53110000461865 nên đã nhận 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) bằng tiền mặt” (Bút lục 14). Tại Giấy biên nhận tiền có nội dung: “Hôm nay tôi có nhận của bác Hoàng Việt Á số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) hẹn ngày 30/10/2024 sẽ hoàn trả lại số tiền 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng) trong tổng số tiền 200.000.000 đồng đã nhận. Cam kết đến tháng 11/2024 sẽ hoàn tất các việc đã nhận với bác Hoàng Việt Á” (Bút lục 13).

Xét các tài liệu này đều do anh H viết và ký tên, nội dung không ghi cụ thể về các vấn đề hai bên đã thoả thuận nhưng đã chứng minh được có việc giao nhận tiền trên thực tế và các bên đều có đầy đủ nhận thức hành vi và thoả thuận cũng như việc giao nhận tiền giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên sau khi giao kết.

[2.2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.2.1] Đối với yêu cầu trả số nợ gốc

Khởi kiện ban đầu ông Á yêu cầu anh H trả tổng số tiền 350.000.000 đồng và tiền lãi cụ thể 290.000.00 đồng tiền gốc (cụ thể: Số tiền 200.000.000 đồng để thực hiện công việc; số tiền 40.000.000 đồng để phục vụ việc nộp thuế; 50.000.000 đồng để thực hiện các công việc, thủ tục khác liên quan đến đất đai) và 60.000.000 đồng tiền lãi (của số tiền gốc 200.000.000 đồng $\times$ 6% $\times$ 5 năm = 60.000.000 đồng). Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, ông Á xác nhận anh H đã trả 60.000.000 đồng và xác định số tiền anh H còn phải trả là 190.000.000 đồng tại bản tự khai ngày 07/8/2026. Đây là việc nguyên đơn tự nguyện xác định lại số tiền còn yêu cầu bị đơn thanh toán, không làm vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu và bảo đảm quyền lợi cho bị đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét giải quyết trong phạm vi số tiền ông Á còn yêu cầu anh H thanh toán là 190.000.000 đồng cùng tiền lãi theo quy định.

Sau khi thực hiện việc giao nhận tiền, anh H không thực hiện được công việc như đã thỏa thuận và không hoàn trả đầy đủ số tiền đã nhận. Quá trình giải quyết vụ án, anh H cũng thừa nhận đã nhận của ông Á số tiền 200.000.000 đồng để thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Anh H cũng thừa nhận trong quá trình thực hiện có vướng mắc nên không giải quyết được thủ tục và đã chuyển trả cho ông Á số tiền 60.000.000 đồng. Đối với số tiền 40.000.000 đồng và 50.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị T là người trực tiếp biết việc giao dịch giữa ông Á và anh H đã xác nhận ông Á có giao cho anh H các khoản tiền này, trong đó 40.000.000 đồng để nộp thuế và 50.000.000 đồng để thực hiện các thủ tục liên quan. Lời khai của người làm chứng bà T phù hợp với lời khai của ông Á về quá trình giao nhận tiền và mục đích giao tiền; đồng thời không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh các khoản tiền này đã được anh H sử dụng đúng mục đích hoặc đã được hoàn trả cho ông Á. Như vậy, có cơ sở xác định anh H đã nhận các khoản tiền của ông Á để thực hiện công việc liên quan đến thủ tục đất đai, nhưng công việc không thực hiện được.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Mạnh H thừa nhận đã chuyển trả cho ông Á tổng số tiền 60.000.000 đồng vào tài khoản của bà Nguyễn Thị T, là vợ của ông Á. Ông Á cũng thừa nhận việc này và xác định số tiền anh H còn phải trả cho ông Á là 190.000.000 đồng. Do đó, có đủ căn cứ xác định khoản tiền 60.000.000 đồng đã được thanh toán và số tiền anh H còn phải hoàn trả cho ông Á là 190.000.000 đồng. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Việt Á là có cơ sở, cần được chấp nhận, buộc anh Trần Mạnh H phải trả cho ông Hoàng Việt Á số tiền gốc là 190.000.000 đồng.

[2.2.2] Về yêu cầu tính tiền lãi: Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về việc buộc Bị đơn phải trả tiền lãi với mức lãi suất 6%/năm tính từ ngày nhận tiền (11/10/2022) đối với số tiền gốc 200.000.000 đồng $\times$ 6% $\times$ 5 năm = 60.000.000 đồng và tính lãi đối với số tiền gốc còn lại 190.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tính chất hợp đồng và lãi suất trong hạn: Giao dịch giao nhận tài sản là tiền ngày 11/10/2022 giữa Nguyên đơn và Bị đơn không xác định thời hạn trả

nợ. Quá trình tố tụng, các bên đều thừa nhận tại thời điểm giao nhận tiền không có thỏa thuận bằng văn bản hay bằng lời nói về mức lãi suất cụ thể. Đối chiếu quy định tại Điều 463, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, đây được xác định là giao dịch giao nhận tiền (hợp đồng vay tài sản) không kỳ hạn và không có lãi. Do đó, yêu cầu tính lãi trong giai đoạn từ ngày nhận tiền (11/10/2022) của Nguyên đơn là không có căn cứ pháp lý, bởi lẽ:

Về thời điểm phát sinh nghĩa vụ chậm trả và số tiền nợ gốc làm căn cứ tính lãi: Do hợp đồng vay không có kỳ hạn, căn cứ khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự 2015 và hướng dẫn tại Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Bị đơn chỉ bị coi là vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ thời điểm có thông báo đòi nợ hợp lý. Do Nguyên đơn không chứng minh được đã có thông báo đòi nợ Bị đơn trước khi khởi kiện. Xét thấy trước thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, cụ thể vào ngày 08/02/2026, Bị đơn đã tự nguyện thực hiện một phần nghĩa vụ, thanh toán cho Nguyên đơn số tiền gốc 60.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nhận khoản tiền này và không có ý kiến phản đối, cũng không yêu cầu tính lãi suất, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cũng không cung cấp các tài liệu liên quan đến lãi suất đối với khoản tiền trên. Do đó, tại thời điểm thụ lý vụ án (01/06/2026), số dư nợ gốc thực tế giữa các bên chỉ còn lại 190.000.000 đồng.

Từ những phân tích trên, HĐXX nhận định: Yêu cầu của Nguyên đơn đòi tính lãi suất 6%/năm từ ngày 11/10/2022 đối với số tiền gốc 200.000.000 đồng $\times$ 6% $\times$ 5 năm = 60.000.000 đồng và tính lãi đối với số tiền gốc còn lại 190.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Việt Á được chấp nhận, anh Trần Mạnh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Theo quy định, đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch từ trên 6.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng, mức án phí dân sự sơ thẩm là 5% giá trị tài sản có tranh chấp. Do đó, án phí anh Trần Mạnh H phải chịu là: 190.000.000 đồng $\times$ 5% = 9.500.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

- Ông Hoàng Việt Á là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 357, 463, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Việt Á đối với bị đơn anh Trần Mạnh H về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

2. Buộc bị đơn anh Trần Mạnh H phải trả cho ông Hoàng Việt Á số tiền gốc là 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Việt Á về việc buộc bị đơn anh Trần Mạnh H phải trả khoản tiền lãi 6%/năm phát sinh tính từ ngày nhận tiền (11/10/2022) đối với số tiền gốc 200.000.000 đồng $\times 6\% \times 5$ năm = 60.000.000 đồng và tính lãi đối với số tiền gốc còn lại 190.000.000 đồng đến ngày xét xử sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Trần Mạnh H phải chịu 9.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

- Ông Hoàng Việt Á là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện và thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các khoản 2 Điều 4, điểm e khoản 1 Điều 6, điều 34, 36 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND KV 1 – Quảng Trị;
- Phòng THADS KV 1 – Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Minh

